

NHU CẦU THAM GIA BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP CỦA NÔNG HỘ TRỒNG THANH LONG HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Nguyễn Quốc Nghi¹, Nguyễn Thị Ngọc Yến¹, Quan Minh Nhật²

¹ThS. Trường Đại học Cần Thơ

²TS. Trường Đại học Cần Thơ

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Số liệu của nghiên cứu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 132 hộ trồng thanh long ở huyện Chợ Gạo. Phương pháp tạo dựng thị trường CVM (Contingent Valuation Method) được sử dụng để đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ (WTP - Willingness to pay). Bên cạnh đó, mô hình hồi quy probit được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ hộ trồng thanh long tham gia bảo hiểm khá cao trong khi tỷ lệ hộ tham gia bảo hiểm sản lượng lại rất hạn chế. Các nhân tố ảnh hưởng tích cực đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long là trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích trồng, tập huấn kỹ thuật, tham gia hội đoàn thể, chi phí đầu tư/1.000m² và tổng số rủi ro nông nghiệp của nông hộ. Qua đó, nghiên cứu đã đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng Thanh long.

Từ khóa: Bảo hiểm nông nghiệp, nông hộ, thanh long

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước tình hình rủi ro trong hoạt động nông nghiệp diễn ra ngày càng phức tạp, bảo hiểm nông nghiệp được xem như một hình thức nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại do hậu quả của rủi ro gây ra. Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 ở 21 tỉnh, thành trong cả nước thể hiện sự quan tâm và khẳng định tầm quan trọng của loại hình dịch vụ này đối với sản xuất nông nghiệp. Ở Tiền Giang, thanh long Chợ Gạo được xem là loại trái cây đặc sản của tỉnh, diện tích trồng thanh long ngày càng tăng (2.509 ha năm 2011 và 2.690 ha năm 2012) đã góp phần không nhỏ trong phát triển ngành nông nghiệp của địa phương. Tuy nhiên, nông hộ trồng thanh long Chợ Gạo đang phải đối mặt với nhiều loại rủi ro, gây tổn thất không nhỏ đến hiệu quả sản xuất của nông hộ. Trước thực trạng đó, bảo hiểm nông nghiệp chính là biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu thiệt hại cho nông hộ. Tuy nhiên,

mức độ hiểu biết và sự sẵn lòng tham gia dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ còn khá hạn chế. Vì vậy, để có cơ sở lý giải các nguyên nhân dẫn đến khả năng tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long, tác giả đã thực hiện nghiên cứu “Nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ trồng thanh long huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang”.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình nghiên cứu

Theo M. Njavro et al (2007) và Gudbrand Lien et al (2003), một trong những cách phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho nông dân là sử dụng bảo hiểm trong sản xuất để có thể bù đắp thiệt hại khi rủi ro xảy ra. Tuy nhiên, không phải bất kỳ người nông dân nào cũng nhận thức được điều đó và sử dụng công cụ phòng ngừa, mức độ tham gia bảo hiểm còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Kết quả nghiên cứu của Goodwin et al (1993) đã xác định, diện tích sản xuất, tổng chi phí có ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ. Makki et al (2001) cho rằng, nông hộ với quy mô sản xuất càng lớn sẽ đối mặt với nhiều loại rủi ro thì nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp càng

cao. Một số nghiên cứu trong nước về nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ cũng cho kết quả tương tự. Thông qua lược khảo tài liệu nghiên cứu, đồng thời qua khảo sát thực tế, tác giả thiết lập mô hình xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ trồng thanh long ở huyện Chợ Gạo như sau:

$$y = \beta_0 + \beta_1.x_1 + \beta_2.x_2 + \beta_3.x_3 + \beta_4.x_4 + \beta_5.x_5 + \beta_6.x_6$$

Trong đó: $y = \text{THAMGIABAOHIEM}$ là biến phụ thuộc, nhận giá trị 1 nếu hộ trồng thanh long có nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp và nhận giá trị 0 nếu ngược lại. Các biến độc lập trong mô hình được diễn giải như bảng 1:

Bảng 1. Diễn giải các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu

Biến số		Diễn giải biến	Kỳ vọng
Tên biến	Ký hiệu		
HOCVAN	x_1	Trình độ học vấn của chủ hộ, được tính bằng số năm đến trường của chủ hộ (năm)	+
DIENTICH	x_2	Diện tích trồng thanh long của nông hộ (1.000 m ²)	+
TAPHUAN	x_3	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu nông hộ có tham gia tập huấn kỹ thuật trồng thanh long và nhận giá trị 0 nếu không có.	+
HOIDOANTHE	x_4	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu nông hộ có tham gia các tổ chức hội đoàn thể địa phương và nhận giá trị 0 nếu không có.	+
CHIPHI	x_5	Chi phí đầu tư trên 1.000 m ² đất trồng thanh long của nông hộ (triệu đồng/1.000 m ²)	+
TONGRUIRO	x_6	Tổng số rủi ro mà hộ trồng thanh long gặp phải trong vụ sản xuất gần nhất (các loại rủi ro sản xuất, rủi ro thị trường, rủi ro tài chính), (lần)	+

2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Để đảm bảo tính đại diện của số liệu, tác giả tiến hành thu thập số liệu sơ cấp thông qua phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên. Các tiêu chí phân tầng bao gồm: địa bàn sản xuất, loại hình sản xuất và quy mô sản xuất. Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những nông hộ trồng chuyên canh cây thanh long ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, với cỡ mẫu được chọn là 132 nông hộ. Thời gian triển khai thu thập số liệu nghiên cứu từ tháng 02/2012 đến 03/2012.

2.3. Phương pháp phân tích số liệu

Để đánh giá thực trạng rủi ro nông nghiệp của hộ trồng thanh long, phương pháp thống kê mô tả được sử dụng với các chỉ tiêu nghiên cứu (tần số, số trung bình, tỷ lệ...). Ngoài ra, phương pháp tạo dựng thị trường CVM (Contingent Valuation Method) và đánh giá mức độ sẵn lòng chi trả (WTP - Willingness to pay) được sử dụng để xác định nhu cầu tham gia bảo

hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long. Bên cạnh đó, mô hình hồi quy probit được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long ở huyện Chợ Gạo.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của hộ trồng thanh long

Theo khảo sát thực tế, độ tuổi trung bình của chủ hộ trồng thanh long là 47 tuổi, với số năm kinh nghiệm trung bình khoảng 7 năm. Trình độ học vấn trung bình của chủ hộ là lớp 8, phần lớn chủ hộ có trình độ tiểu học và trung học cơ sở. Trung bình mỗi hộ trồng thanh long có 2 lao động tham gia trồng thanh long. Mỗi năm, nông hộ sản xuất 3 vụ thanh long, trong đó có 1 vụ sản xuất vào mùa mưa, các vụ còn lại nông hộ xử lý xông đèn để sản xuất nghịch mùa. Diện tích trồng thanh long trung bình/hộ là 4.950 m², trong đó nông hộ có diện tích ít nhất là 1.000 m² và nhiều nhất là 20.000 m².

Bảng 2. Đặc điểm của nông hộ

Chỉ tiêu	Đvt	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch
Tuổi của chủ hộ	Tuổi	24	77	46,82	10,400
Số năm kinh nghiệm	Năm	1,5	22	6,63	4,500
Trình độ học vấn của chủ hộ	Lớp	3	12	8,16	2,721
Số lao động trong hộ	Người	1	4	2,06	0,739
Số vụ sản xuất trong năm	Vụ	1	4	3,18	0,663
Diện tích sản xuất	1.000 m ²	1	20	4,95	3,570

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2012

3.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của 1 vụ thanh long

Theo kết quả khảo sát, tổng chi phí đầu tư trên 1.000 m² đất trồng thanh long trung bình là 6.407.410 đồng, trong đó, chi phí điện và chi phí phân bón chiếm tỷ lệ cao nhất. Với sản lượng đạt được là 1.378,73 kg/1.000m² và giá bán trung bình tại thời điểm nghiên cứu là

11.020 đồng/kg, nông hộ sẽ thu được 15.476.820 đồng/1.000 m². Từ đó, tỷ suất lợi nhuận đạt được của nông hộ là 1,5 lần. Nếu so với mức lãi suất trung bình của hệ thống ngân hàng theo chu kỳ sản xuất thanh long thì hiệu quả kinh tế của hộ trồng thanh long đạt được là khá cao.

Bảng 3. Đánh giá hiệu quả kinh tế của 1 vụ thanh long

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trung bình	Độ lệch
Tổng chi phí	1.000 đ/1.000 m ²	6.407,41	1.302,68
Sản lượng	Kg/1.000 m ²	1.378,73	405,52
Giá bán	1.000 đ/kg	11,02	2,88
Doanh thu	1.000 đ/1.000 m ²	15.476,82	6.232,66
Lợi nhuận	1.000 đ/1.000 m ²	9.069,41	6.317,77
Tỷ suất lợi nhuận	Lần	1,50	1,11

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2012

3.3. Thực trạng rủi ro nông nghiệp trong hoạt động sản xuất của nông hộ

Theo số liệu điều tra, rủi ro thị trường là nhóm rủi ro xảy ra nhiều nhất đối với quá trình sản xuất của hộ trồng thanh long. Trong đó, rủi ro giá phân, thuốc hóa học biến động tăng chiếm tỷ lệ cao nhất (chiếm 90,20%), kế đến là rủi ro giá lao động tăng (chiếm 84,1%) và cuối cùng là rủi ro giá bán sản phẩm giảm (chiếm 41,7%). Rủi ro về tài chính cũng thường xuyên xảy ra trong quá trình canh tác của nông hộ. Trong đó, việc mua chịu vật tư có thay đổi xảy ra nhiều nhất (chiếm 62,10%), kế đến là rủi ro lãi suất vay vốn tăng (chiếm 11,4%), tiếp theo

là người mua không thanh toán đúng hạn (chiếm 9,8%) và cuối cùng là thiếu vốn sản xuất (chiếm 6,1%). Rủi ro sản xuất đối với hộ trồng thanh long cũng là bài toán vô cùng khó khăn. Trong đó, rủi ro thời tiết, khí hậu xảy ra nhiều nhất (chiếm 43,90%), tiếp theo là rủi ro do dịch bệnh (chiếm 14,4%). Đối với nhóm rủi ro về thể chế, có 5,30% hộ trồng thanh long chịu rủi ro do chính sách xuất khẩu thay đổi và 4,54% nông hộ gặp khó khăn do quy định về tiêu chuẩn sản phẩm. Nhìn chung, trong quá trình sản xuất và tiêu thụ thanh long của nông hộ ở huyện Chợ Gạo, rủi ro về thị trường và rủi ro về tài chính là hai nhóm rủi ro mà nông hộ gặp nhiều nhất.

Bảng 4. Thực trạng rủi ro trong quá trình sản xuất của nông hộ

Các rủi ro	Tần số (hộ)	Tỷ lệ (%)
Rủi ro sản xuất		
- Rủi ro thời tiết, khí hậu	58	43,90
- Rủi ro dịch bệnh	19	14,40
Rủi ro thị trường		
- Giá phân, thuốc hóa học tăng	119	90,20
- Giá công lao động tăng	111	84,10
- Giá bán sản phẩm giảm	55	41,70
Rủi ro tài chính		
- Việc mua chịu vật tư có thay đổi	81	62,10
- Lãi suất vay vốn tăng	15	11,40
- Người mua không thanh toán đúng hạn	13	9,80
- Thiếu vốn sản xuất	8	6,10
Rủi ro thể chế		
- Chính sách xuất khẩu thay đổi	7	5,30
- Quy định về tiêu chuẩn sản phẩm	6	4,54

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2012

3.4. Mức độ sẵn lòng tham gia bảo hiểm của nông hộ

Do tính bấp bênh của thị trường trái cây nói chung và thị trường thanh long nói riêng, giá thanh long tăng giảm rất bất thường trong thời gian gần đây, vì thế bảo hiểm giá là giải pháp hạn chế rủi ro tốt nhất cho nông hộ. Theo kết quả khảo sát, sự sẵn sàng tham gia bảo hiểm giá của hộ trồng thanh long là khá cao (chiếm 65,15%). Bên cạnh đó, bảo hiểm sản lượng cũng là hình thức hỗ trợ về tài chính cho nông hộ khi gặp rủi ro. Tuy nhiên, chỉ có 19,7% nông

hộ đồng ý tham gia loại bảo hiểm này. Bảo hiểm nông nghiệp là dịch vụ khá mới đối với người nông dân nên tâm lý ngại phiền phức, thủ tục rườm rà, e ngại mức phí bảo hiểm cao là các nguyên nhân dẫn đến nông hộ chưa mặn mà với các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp. Cũng theo kết quả khảo sát, mức phí tham gia bảo hiểm giá mà nông hộ sẵn lòng chi trả là 289.650 đồng/kg, trong khi đối với bảo hiểm sản lượng, hộ trồng thanh long sẵn lòng chi trả là 429.420 đồng/1000 m².

Bảng 5. Mức độ sẵn sàng tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long

Loại bảo hiểm	Tỷ lệ tham gia (%)	Mức độ sẵn lòng	Mức phí sẵn lòng chi trả
Bảo hiểm giá	65,15	Rất sẵn lòng	289.650 đồng/kg
Bảo hiểm sản lượng	19,70	Sẵn lòng	429.420 đồng/1000 m ²

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả, 2012

3.5. Các nhân tố tác động đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp

Để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ

trồng thanh long ở huyện Chợ Gạo, tác giả sử dụng mô hình hồi qui probit để kiểm định mô hình đã thiết lập. Kiểm định Corr cho các giá trị đều nhỏ hơn 0,8, vì vậy hiện tượng đa cộng

tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình có thể bỏ qua (Mai Văn Nam, 2008). Ngoài ra, giá trị kiểm định mô hình ($\text{Prob} > \chi^2$) = 0,000

cho thấy mô hình nghiên cứu được sử dụng có mức ý nghĩa rất cao (1,0%).

Bảng 6. Các nhân tố tác động đến nhu cầu tham gia bảo hiểm của nông hộ

Biến số		Hệ số β_i	Hệ số dY/dX	Mức ý nghĩa
Tên biến	Ký hiệu			
Hằng số	β	-4,127	-	0,000
HOCVAN	x_1	0,115	0,039	0,039
DIENTICH	x_2	0,084	0,029	0,033
TAPHUAN	x_3	0,568	0,203	0,083
HOIDOANTHE	x_4	0,729	0,259	0,018
CHIPHI	x_5	0,193	0,066	0,028
TONGRUIRO	x_6	0,323	0,110	0,001
LR χ^2				55,12
Giá trị $\text{Prob} > \chi^2$				0,000
Giá trị Log Likelihood				-57,13

Nguồn: Kết quả phân tích hồi qui logit từ số liệu điều tra của tác giả, 2012

Theo kết quả phân tích, tất cả các biến đưa vào mô hình đều có ý nghĩa thống kê và đều tương quan dương với nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long. Cụ thể, mức độ tác động của các biến như sau: Các biến x_1 (HOCVAN), x_2 (TAPHUAN), x_4 (HOIDOANTHE) đều tác động tích cực đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ. Điều này cho thấy, khi trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp càng tăng. Thực tế cho thấy, nếu chủ hộ có trình độ học vấn cao thì nhận thức, sự hiểu biết về dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp cũng như lợi ích của dịch vụ này càng nhiều, từ đó nông hộ sẽ chủ động tham gia bảo hiểm để phòng ngừa rủi ro. Bên cạnh đó, khi tham gia các hội đoàn thể và tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật, nông hộ sẽ có cơ hội tiếp cận với các chương trình hỗ trợ, thông tin thị trường, tiến bộ kỹ thuật sản xuất, từ đó nhận thức được rủi ro và lợi ích khi tham gia bảo hiểm nông nghiệp, vì thế nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp sẽ cao hơn. Biến x_6 (TONGRUIRO) tác động thuận chiều đến nhu cầu bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ, nghĩa là khi nông hộ gặp càng nhiều rủi ro thì nhu cầu tham gia bảo hiểm của nông hộ sẽ càng tăng. Rủi ro tăng đồng nghĩa với hiệu quả sản

xuất của nông hộ giảm nên nông hộ có nhu cầu tham gia bảo hiểm để bù đắp thiệt hại. Đối với biến x_2 (DIENTICH) và x_5 (CHIPHI), diện tích canh tác và chi phí đầu tư tỷ lệ thuận với nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ. Hay nói cách khác, khi diện tích sản xuất và chi phí đầu tư/1.000m² tăng lên thì nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ sẽ càng tăng. Với diện tích sản xuất lớn và chi phí đầu tư cao, nếu gặp rủi ro thì nông hộ sẽ bị tổn thất nhiều. Do vậy, nhu cầu được bảo đảm an toàn trong sản xuất là điều cần thiết để hạn chế những thiệt hại đến mức thấp nhất. Vì thế, những nông hộ có diện tích canh tác nhiều và chi phí đầu tư/1.000m² cao thường có nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp nhiều hơn.

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nhìn chung, nông hộ trồng thanh long chịu nhiều loại rủi ro khác nhau trong quá trình canh tác, trong đó rủi ro thị trường và rủi ro tài chính là phổ biến nhất. Mức độ sẵn lòng tham gia bảo hiểm giá của nông hộ là khá cao trong khi đối với bảo hiểm sản lượng thì rất hạn chế. Các nhân tố ảnh hưởng tích cực đến nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long là trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích sản xuất, tập huấn kỹ thuật, tham gia hội đoàn

thể, chi phí đầu tư/1.000m² và tổng số rủi ro nông nghiệp của nông hộ. Từ đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng thanh long như sau: (i) Các đơn vị hữu quan cần xây dựng và triển khai các chương trình hành động nhằm nâng cao nhận thức của nông hộ về lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp; (ii) Khuyến nghị các nông hộ sản xuất nhỏ lẻ tham gia vào các tổ hợp tác, hợp tác xã để cùng tham gia bảo hiểm nông nghiệp theo nhóm, theo tổ hợp tác; (iii) Các cơ quan chức năng cần nghiên cứu, đẩy mạnh chương trình thí điểm về bảo hiểm nông nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm, nâng cao niềm tin cho nông hộ về loại hình dịch vụ này; (iv) Các đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp cần tổ chức nghiên cứu thực địa để tạo ra các gói dịch vụ phù hợp với địa bàn, bảo đảm quyền lợi cho các bên tham gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB. Hồng Đức.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chợ Gạo (2012), Báo cáo tiến độ thực hiện dự án phát triển thanh long huyện Chợ Gạo đến năm 2015.

3. George R. Patrick và ctg (1985). "Risk Perceptions and Management Responses Generated Hypothesis for Risk Modeling". *Sothorn Journal of Agricultural Economics*. Volume 17, 231-238.

4. Goodwin, B.K (1993). "An Empirical Analysis of the Demand for Crop Insurance". *American Journal of Agricultural Economics*. Volume 75, 425-434.

5. Goodwin, B.K. and T.L. Kastens (1993). "Adverse Selection, Disaster Relief, and the Demand for Multiple Peril Crop Insurance". Contract report for the Federal Crop Insurance Corporation.

6. Gudbrand Lien, Ola Flaten, Martha Ebbesvik, Mathias Koesling, Paul Steinar Valle (2003). *Risk and Risk Management in Organic and Conventional Dairy Farming: Emperical Results from Norway*, *International Farm Management Congress*, 2003.

7. Kremen (2004). "Risk and Risk Management in Organic Farming: Views of Organic Farmers". *Renewable Agriculture and Food System*. Volume 19(4), 218-227.

8. Makki, S.S., and A. Somwaru (2001). "Farmers' Participation in Crop Insurance Markets: Creating the Right Incentives". *American Journal of Agricultural Economics*. Volume 83, 662-667.

9. M. Njavro, V. Par, Drazenka Plesko (2007). *Livestock Insurance as a Risk Management Tool on Dairy Farm*, University of Croatia.

PARTICIPATION REQUIREMENTS IN THE AGRICULTURAL INSURANCE OF DRAGON FRUIT GROWERS IN TIEN GIANG PROVINCE

Nguyen Quoc Nghi, Nguyen Thi Ngoc Yen, Quan Minh Nhut

SUMMARY

This study was conducted to assess the participation requirements in the agricultural insurance of dragon fruit growers at Cho Gao in Tien Giang Province. Research data were collected by direct interview from 132 dragon fruit growers in Cho Gao. Contingent Valuation Method (CVM) is used to assess the willingness to pay level on agricultural insurance of households (WTP). Besides, the probit regression is used to determine the factors affecting requirements of agricultural insurance of dragon fruit growers. Research results showed that the percentage of growing dragon fruit households participated in the insurance with high price while the percentage of production insurance households were very limited. The positive factors affecting requirements for agricultural insurance of dragon fruit growers are education, area of production, technical training, attending union, investment costs 1.000m² and total the agricultural risks of households. Finally, the study also has proposed some recommendations to enhance the participation in the agricultural insurance of dragon fruit growers.

Keywords: *Agricultural insurance, dragon fruit, households*

Người phản biện: PGS.TS.Nguyễn Văn Tuấn

Ngày nhận bài: 10/10/2013

Ngày phản biện: 25/11/2013

Ngày quyết định đăng: 10/12/2013